

Bản án số: 469/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-HN ngày 24/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Mỹ D, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Ấp 12, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: D5/1 Dương Đình Cúc, ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2020; bản tự khai, biên bản hòa giải, bà Dương Mỹ D trình bày:

Bà Dương Mỹ D và ông Trần Văn K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2006, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01/2010 do UBND xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/4/2010. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc và có 01 con chung tên Trần Thảo Nguyên, sinh ngày 19/02/2011. Sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà D yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Có một người con chung tên là Trần Thảo Nguyên, sinh ngày 19/02/2011, bà D đồng ý giao con cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyên. Không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, ông Trần Văn K trình bày: Ông K xác nhận bắt đầu chung sống kết hôn với bà D vào năm 2010, có tìm hiểu, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01/2010 do UBND xã xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/4/2010, thời gian đầu sống chung hạnh phúc, sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do tính tình quan điểm sống không còn hòa hợp, vợ chồng không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Nay bà D yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông, ông K đồng ý ly hôn với bà D.

Cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2020.

Về con chung: Có một người con chung tên là Trần Thảo Nguyên, sinh ngày 19/02/2011, ông K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyên, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung; trẻ Nguyên đang ở với ông K.

Về tài sản chung; tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc giải quyết vụ án vẫn còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Dương Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Trần Văn K; Ông K có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Văn K, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông K vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án; bà Dương Mỹ D có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà D và ông K theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01/2010 do UBND xã xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp ngày

08/4/2010, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Mỹ D và ông Trần Văn K là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Mỹ D và ông Trần Văn K cùng xác nhận là đời sống chung giữa bà D và ông K có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hòa hợp và không ai còn quan tâm chăm sóc nhau từ lâu và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Tuy nhiên ông K không đồng ý ly hôn với bà D, vì ông cho rằng con thương yêu vợ và mong muốn đoàn tụ gia đình; ông đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “*Hiện nay ông Trần Văn K tạm trú một mình. Bà Dương Mỹ D đi đâu không rõ*”. Đồng thời, kể từ ngày bà D nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông K cũng không có một hành vi, kế hoạch cụ thể nào để hàn gắn tình cảm gia đình; và thực tế cả hai đã sống ly thân, từ lâu không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau thì có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Dương Mỹ D yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn K là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Mỹ D.

[2.2] Về con chung: Có một con chung tên là Trần Thảo Nguyên, sinh ngày 19/02/2011. Ông K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyên và trẻ Nguyên đang sống với ông K; bà D đồng ý giao trẻ Nguyên cho ông K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn K không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà D.

[2.3] Về tài sản chung: Cả hai cùng xác định là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai cùng xác định là không có.

[2.4] Ông Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng ông vẫn vắng mặt. Như vậy, ông K đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Dương Mỹ D phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Mỹ D đối với ông Trần Văn K.

Bà Dương Mỹ D được ly hôn với ông Trần Văn K. Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Mỹ D và ông Trần Văn K chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền số 01/2010 do UBND xã xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/4/2010 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Thảo Nguyên, sinh ngày 19/02/2011 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà D.

Bà Dương Mỹ D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung: Cả hai cùng xác định là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai cùng xác định là không có. Riêng ông K vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung tại phiên tòa. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác theo quy định pháp luật

4. Về án phí: Bà Dương Mỹ D chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0078669 ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan nơi thực hiện việc
đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: -

-

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-HN ngày 24/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Mỹ D, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Ấp 12, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: D5/1 Dương Đình Cúc, ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: /3

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Mỹ D đối với ông Trần Văn K.

Bà Dương Mỹ D được ly hôn với ông Trần Văn K. Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Mỹ D và ông Trần Văn K chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyền số 01/2010 do UBND xã xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/4/2010 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Thảo Nguyên, sinh ngày 19/02/2011 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà D.

Bà Dương Mỹ D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

3. Về tài sản chung: Cả hai cùng xác định là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai cùng xác định là không có.

4. Về án phí: Bà Dương Mỹ D chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0078669 ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Biểu quyết: /3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

